ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ &QUẢN TRỊ KINH DOANH**

----------------------------

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**Học phần:** **QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC**

**Mã số: STM 331**

**Số tín chỉ: 3**

**Giảng dạy cho CTĐT QTKD KHÁCH SẠN & DU LỊCH**

**Khoa: QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Bộ môn phụ trách: QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Thái Nguyên, 2022**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ &QTKD**KHOA: QUẢN TRỊ KINH DOANH****Bộ môn phụ trách: Quản trị kinh doanh**  |  |

**ĐỀ C­ƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**1. Tên học phần:** Quản trị chiến lược;  **Mã học phần**: STM 331

**2. Tên Tiếng Anh:** Strategic Management;

**3. Số tín chỉ:** 3 (36/18/108) (36GTC lý thuyết, 18 GTC thực hành/thảo luận, 108 GTC tự học)

Giảng dạy cho CTĐT: QTKD Khách sạn và Du lịch

**4. Điều kiện tham gia học tập học phần**

 Học phần tiên quyết: Không

 Học phần học trước: Quản trị học, Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô, Marketing căn bản.

 Học phần song hành: ……………..……………………………………………

 Khác: ……………………………………………………………………..

**5. Các giảng viên phụ trách học phần**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Học hàm, học vị, họ tên** | **Số điện thoại** | **Email** | **Ghi chú** |
| 1 | PGS.TS. Trần Quang Huy | 0912132025 | tranhuyqtkd@tueba.edu.vn |  |
| 2 | TS. Phạm Văn Hạnh | 0911220991 | pvha112@tueba.edu.vn |  |
| 3 | ThS. Nguyễn Đức Thu | 0985033568 | thuqtkd@tueba.edu.vn |  |
| 4 | ThS. Hà Thị Thanh Hoa | 0949330585 | hoalong07@tueba.edu.vn |  |

**6. Mô tả học phần:**

Học phần Quản trị chiến lược cung cấp những nội dung cơ bản về chiến lược kinh doanh và cách thức hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm tra và điều chỉnh các chiến lược trong doanh nghiệp. Quá trình hoạch định chiến lược bắt đầu từ việc nghiên cứu các triết lý kinh doanh, phân tích và dự báo những cơ hội và thách thức do môi trường bên ngoài tác động đến doanh nghiệp và đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, các nhà chiến lược trong doanh nghiệp sẽ xem xét lại hệ thống mục tiêu của mình và đề xuất các phương án chiến lược. Nội dung tiếp theo là việc sử dụng hệ thống các công cụ phân tích và lựa chọn chiến lược phù hợp với doanh nghiệp và quyết định lựa chọn chiến lược cho doanh nghiệp, cho đơn vị kinh doanh chiến lược hay cho các bộ phận chức năng. Sau khi quyết định lựa chọn chiến lược, doanh nghiệp phải tiến hành tổ chức thực hiện chiến lược đó. Nội dung tổ chức thực hiện chiến lược bao gồm: thiết lập các kế hoạch tác nghiệp, điều chỉnh cơ cấu tổ chức, phân phối nguồn lực và xây dựng các chính sách kinh doanh. Bên cạnh đó có thể nghiên cứu cách thức thực hiện chiến lược theo phương pháp thẻ điểm cân bằng. Nội dung cuối cùng của Quản trị chiến lược là kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược. Nội dung này bao gồm bản chất của hoạt động kiểm tra và quy trình kiểm tra chiến lược trong các tổ chức.

**7. Mục tiêu học phần (Course Objectives - COs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả***Học phần này trang bị cho sinh viên:* | **CĐR****CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
|  CO1 | Học phần này giúp người học có được tư duy về định hướng chiến lược của một doanh nghiệp trong quá trình phát triển, đồng thời tạo cho người học phân tích được trình tự cũng như cách thức để xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược, kiểm tra và điều chỉnh chiến lược cho một doanh nghiệp trong một giai đoạn cụ thể. | PLO1: 1.4, 1.5, 1.6 CTĐT QTKD KS&DL. | **4** |
| CO2 | Có khả năng phân tích, ra quyết định; giải quyết các vấn đề liên quan đến xác định định hướng chiến lược của một tổ chức. | PLO2: 2.3 CTĐT QTKD KS&DL. | **4** |
| CO3 | Rèn luyện cho người học năng lực làm việc tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, cầu thị. | PLO3: 3.4 CTĐT QTKD KS&DL. | **4** |

**8. CĐR của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Mô tả***Sau khi học xong học phần này, người học có thể:* | **CĐR CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| CLO1 | Vận dụng cơ bản một cách có hệ thống kiến thức về chiến lược kinh doanh, quản trị chiến lược; các nội dung liên quan đến chiến lược kinh doanh. | PLO1: 1.4, 1.5, 1.6 CTĐT QTKD KS&DL. | **3** |
| CLO2 | Phân tích được các cơ hội và nguy cơ từ môi trường kinh doanh, đánh giá được điểm mạnh điểm yếu của doanh nghiệp cụ thể, vận dụng được lý thuyết vào hoạch định chiến lược cho một tổ chức và hiểu được các dạng chiến lược trong kinh doanh của doanh nghiệp | PLO1: 1.4, 1.5, 1.6 CTĐT QTKD KS&DL. | **4** |
| CLO3 | Vận dụng tổ chức thực hiện và điều chỉnh chiến lược cho một doanh nghiệp cụ thể. | PLO1: 1.4, 1.5, 1.6 CTĐT QTKD KS&DL. | **3** |
| CLO4 | Làm chủ kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, lãnh đạo, nhận định, phát hiện và xử lý vấn đề liên quan đến cơ hội, nguy cơ, các điểm mạnh, điểm yếu để xây dựng các định hướng chiến lược và đề xuất các giải pháp chiến lược nhằm phát triển tổ chức, doanh nghiệp cũng như đưa ra các điều chỉnh cần thiết khi thực hiện các giải pháp chiến lược trong kinh doanh.  | PLO2: 2.3 CTĐT QTKD KS&DL. | **4** |
| CLO5 | Có tinh thần trách nhiệm trong công việc và tích cực làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm; Tự học tập, chủ động thực hiện công việc hiệu quả; Có khả năng tổng hợp, phát huy trí tuệ tập thể và đưa ra kết luận về các vấn đề tự học ở nhà. | PLO3: 3.4 CTĐT QTKD KS&DL. | **3** |

**Mối tương thích giữa CĐR học phần với Triết lý giáo dục của**

**Trường Đại học kinh tế và Quản trị kinh doanh**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung của triết lý giáo dục** | **CĐR học phần** |
| **Sáng tạo** | Đào tạo hướng tới phát huy tối đa khả năng của người học, chủ động tiếp cận và nắm bắt các cơ hội trong đời sống xã hội, trong nghề nghiệp | CLO5 |
| **Thực tiễn** | Đào tạo người học có phẩm chất đạo đức, có tri thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu cần thiết phù hợp với nhu cầu của xã hội hiện đại, của thị trường lao động và nhu cầu học tập tự thân của mỗi người | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5 |
| **Hội nhập** | Đào tạo giúp người học tích lũy tri thức và kỹ năng nghề nghiệp, chủ động hội nhập quốc tế, phù hợp xu thế phát triển bền vững | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5. |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*- Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*- Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*- Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT QTKD KHÁCH SẠN & DU LỊCH** |
| **PLO1** | **PLO2** | **PLO3** |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **1.4** | **1.5** | **1.6** | **2.1** | **2.2** | **2.3** | **2.4** | **2.5** | **3.1** | **3.2** | **3.3** | **3.4** |
| CLO1 |  |  |  | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  | R | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |

**9. Nhiệm vụ của sinh viên I**

***9.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận***

- Dự lớp ≥ 80 % tổng số thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị nội dung thảo luận.

 - Hoàn thành các bài tập được giao.

 - Nghiên cứu tài liệu học tập.

***9.2. Phần thực hành, tiểu luận***

- Hoàn thành các bài thực hành của học phần.

- Hoàn thành các bài tiểu luận theo yêu cầu.

**10. Tài liệu học tập**

***-*** *Sách, giáo trình chính:*

1. PGS. TS Ngô Kim Thanh, Giáo trình Quản trị chiến lược, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, các phiên bản từ 2014.

***-*** *Tài liệu tham khảo:*

1. Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Huyền, Giáo trình Chiến lược Kinh doanh và Phát triển doanh nghiệp, NXB LĐXH, 2002.

2. GT Kỹ năng quản trị - Ngô Kim Thanh – NXB KTQD, 2012

**11. Phương pháp giảng dạy - học tập**

Phương pháp giảng dạy – học tập học phần Quản trị chiến lược bao gồm: dạy học trực tiếp, dạy học gián tiếp, dạy học tương tác và tự học. Cụ thể như sau:

***11.1 Dạy học trực tiếp***

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

*1. Giải thích cụ thể (Explicit Teaching):* Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trựctiếp trong đó giáo viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

*2. Thuyết giảng (Lecture):* Giáo viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dungtrong bài giảng. Giáo viên là người thuyết trình, diễn giảng. Sinh viên chỉ nghe giảng và thình thoảng ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giáo viên truyền đạt.

***11.2 Dạy học gián tiếp***

Dạy học gián tiếp là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giáo viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

*3. Câu hỏi gợi mở (Inquiry):* Trong tiến trình dạy học, giáo viên sửdụng các câu hỏi gợi mởhay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

*4. Học theo tình huống (Case Study):*Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy họclấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

***11.3 Dạy học tương tác***

Đây lừ chiến lược dạy và học trong đó, giáo viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giáo viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giáo viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

*5. Thảo luận (Discussion):* Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành cácnhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

*6. Học nhóm (Pear Learning):* Sinh viên được tổchức thành các nhóm nhỏ đểcùng nhaugiải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

***11.4 Tự học***

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

*7. Bài tập ở nhà (Work Assigment)*: Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

**Ma trận quan hệ giữa chuẩn đầu ra học phần và phương pháp giảng dạy - học tập**

| **Các CĐR của học phần** | **Trình độ năng lực** | **Phương pháp giảng dạy – học tập** |
| --- | --- | --- |
| Thuyết trình | Giải thích cụ thể | Câu hỏi gợi mở | Case - Study | Thảo luận | Học nhóm | Bài tập ở nhà |
| CLO1 | **3** | x | x | x | x  |  x | x  | x |
| CLO2 | **4** | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO3 | **3** | x | x | x | x | x | x | x |
| CLO4 | **4** |  |  | x | x | x | x | x |
| CLO5 | **3** |   |   | x | x | x | x | x |

**12. Nội dung giảng dạy chi tiết**

| **Tiết** | **Nội dung giảng dạy***(Ghi chi tiết đến từng mục nhỏ của từng chương)* | **CĐR học phần** *(CĐR đạt được khi kết thúc chương)* | **Đáp ứng CĐR CTĐT và mức độ đáp ứng sau khi kết thúc chương** | **Phương pháp giảng dạy****học tập** | **Phương pháp đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1, 2 | **Giới thiệu học phần:**- Mục tiêu của HP- Đề cương của HP |  |  | Thuyết trình, Giải thích cụ thể |  |
| 3,4,5,6,7,8,9 | **Chương 1: Tổng quan về quản trị chiến lược****A/ Các nội dung ở trên lớp:**1.1 Khái niệm, đặc trưng, vai trò của chiến lược trong doanh nghiệp1.2 Bản chất của quản trị chiến lược1.3 Nhà quản trị chiến lược | CLO1, CLO4, CLO5. | PLO1: 1.4 (I) CĐR CTĐT QTKD KS&DL; PLO2: 2.3 (R) CĐR CTĐT QTKD KS&DL; PLO3: 3.4 (R) CTĐT QTKD KS&DL. | Thuyết trình,Giải thích cụ thể,Câu hỏi gợi mở, Tình huống, Thảo luận | Kiểm tra viết, vấn đáp,thuyết trình nhóm |
| **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+ Chuẩn bị các nội dung của chương 1(tìm hiểu nội dung lý thuyết, câu hỏi ôn tập, xem xét các ví dụ thực tế)+ Chuẩn bị bài tập nhóm, bài tập cá nhân được giao | Học nhóm, BT về nhà.  |
| 10, 11, 12 | **Chương 2: Chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp****A/ Các nội dung ở trên lớp:**2.1 Xác định nhiệm vụ của doanh nghiệp2.2 Mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp | CLO1, CLO4, CLO5. | PLO1: 1.4 (I) CĐR CTĐT QTKD KS&DL; PLO2: 2.3 (R) CĐR CTĐT QTKD KS&DL; PLO3: 3.4 (R) CTĐT QTKD KS&DL. | Thuyết trình,Giải thích cụ thể,Câu hỏi gợi mở, Tình huống, Thảo luận | Kiểm tra viết, vấn đáp,thuyết trình nhóm |
| **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+ Chuẩn bị các nội dung của chương 2 được giao (tìm hiểu nội dung lý thuyết, câu hỏi ôn tập, xem xét các ví dụ thực tế)+ Chuẩn bị bài tập nhóm, bài tập cá nhân được giao |  | Học nhóm, BT về nhà |
| 13, 14, 15, 16, 17, 18 | **Chương 3: Phân tích môi trường kinh doanh bên ngoài doanh nghiệp****A/ Các nội dung ở trên lớp:**3.1 Phân tích môi trường vĩ mô3.2 Phân tích môi trường ngành3.3 Tổng hợp phân tích môi trường kinh doanh bên ngoài doanh nghiệp | CLO2, CLO4, CLO5. | PLO1: 1.4 (R), 1.5 (I), 1.6 (I) CĐR CTĐT QTKD KS&DL; PLO2: 2.3 (R) CĐR CTĐT QTKD KS&DL; PLO3: 3.4 (R) CTĐT QTKD KS&DL. | Thuyết trình,Giải thích cụ thể,Câu hỏi gợi mở, Tình huống, Thảo luận | Kiểm tra viết, vấn đáp,thuyết trình nhóm |
| **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+ Chuẩn bị các nội dung của chương 3 được giao (tìm hiểu nội dung lý thuyết, câu hỏi ôn tập, xem xét các ví dụ thực tế)+ Chuẩn bị bài tập nhóm, bài tập cá nhân được giao | Học nhóm, Tự học |
| 19, 20, 21, 22, 23, 24 | **Chương 4: Phân tích môi trường nội bộ doanh nghiệp****A/ Các nội dung ở trên lớp:**4.1. Phân tích thực trạng doanh nghiệp4.2. Tổng hợp phân tích môi trường nội bộ doanh nghiệp | CLO2, CLO4, CLO5. | PLO1: 1.4 (R), 1.5 (I), 1.6 (I) CĐR CTĐT QTKD KS&DL; PLO2: 2.3 (R) CĐR CTĐT QTKD KS&DL; PLO3: 3.4 (R) CTĐT QTKD KS&DL. | Thuyết trình,Giải thích cụ thể,Câu hỏi gợi mở, Tình huống, Thảo luận | Kiểm tra viết, vấn đáp,thuyết trình nhóm |
| **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+ Chuẩn bị các nội dung của chương 4 (tìm hiểu nội dung lý thuyết, câu hỏi ôn tập, xem xét các ví dụ thực tế)+ Chuẩn bị bài tập nhóm, bài tập cá nhân được giao | Học nhóm, BT về nhà |
| 25, 26, 27, 28, 29, 30 | **Chương 5: Phân tích và lựa chọn chiến lược****A/ Các nội dung ở trên lớp:**5.1 Các kỹ thuật phân tích định hướng chiến lược5.2 Lựa chọn chiến lược kinh doanh5.3 Các mô hình phân tích cơ cấu vốn đầu tư5.4 Các mô hình lựa chọn chiến lược cạnh tranh5.5 Lựa chọn chiến lược | CLO2, CLO4, CLO5. | PLO1: 1.4 (R), 1.5 (I), 1.6 (I) CĐR CTĐT QTKD KS&DL; PLO2: 2.3 (R) CĐR CTĐT QTKD KS&DL; PLO3: 3.4 (R) CTĐT QTKD KS&DL. | Thuyết trình,Giải thích cụ thể,Câu hỏi gợi mở, Tình huống, Thảo luận | Kiểm tra viết, vấn đáp, thuyết trình nhóm |
| **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+Chuẩn bị các nội dung của chương 5 (tìm hiểu nội dung lý thuyết, câu hỏi ôn tập, xem xét các ví dụ thực tế)+ Chuẩn bị bài tập nhóm, bài tập cá nhân được giao | Học nhóm, BT về nhà. |
| 31, 32, 33, 34, 35, 36 | **Chương 6: Chiến lược cấp doanh nghiệp****A/ Các nội dung ở trên lớp:**6.1. Cơ sở và các mô hình phân tích chiến lược6.2. Các chiến lược cạnh tranh cơ bản.6.3. Lựa chọn chiến lược đầu tư cấp doanh nghiệp | CLO2, CLO4, CLO5. | PLO1: 1.4 (R), 1.5 (I), 1.6 (I) CĐR CTĐT QTKD KS&DL; PLO2: 2.3 (R) CĐR CTĐT QTKD KS&DL; PLO3: 3.4 (R) CTĐT QTKD KS&DL. | Thuyết trình,Giải thích cụ thể,Câu hỏi gợi mở, Tình huống, Thảo luận | Kiểm tra viết, vấn đáp, thuyết trình nhóm |
| **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+ Chuẩn bị các nội dung của chương 6 được giao ((tìm hiểu nội dung lý thuyết, câu hỏi ôn tập, xem xét các ví dụ thực tế)+ Chuẩn bị bài tập nhóm, bài tập cá nhân được giao | Học nhóm, BT về nhà.  |
| 37, 38, 39 | **Kiểm tra giữa kỳ** | CLO1, CLO2 | PLO1: 1.4 (R), 1.5 (I), 1.6 (I) CĐR CTĐT QTKD KS&DL.  |  | Kiểm tra viết |
| 40, 41, 42,  | **Chương 7: Chiến lược cấp đơn vị kinh doanh chiến lược****A/ Các nội dung ở trên lớp:**7.1. Chiến lược theo vị thế cạnh tranh7.2. Chiến lược theo các giai đoạn phát triển7.3. Các chiến lược cấp chức năng | CLO2, CLO4, CLO5. | PLO1: 1.4 (I), 1.5 (I), 1.6 (I) CĐR CTĐT QTKD KS&DL; PLO2: 2.3 (R) CĐR CTĐT QTKD KS&DL; PLO3: 3.4 (R) CTĐT QTKD KS&DL. | Thuyết trình,Giải thích cụ thể,Câu hỏi gợi mở, Tình huống, Thảo luận | Kiểm tra viết, vấn đáp, thuyết trình nhóm |
| **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+ Chuẩn bị các nội dung của chương 7 được giao (tìm hiểu nội dung lý thuyết, câu hỏi ôn tập, xem xét các ví dụ thực tế)+ Chuẩn bị bài tập nhóm, bài tập cá nhân được giao | Học nhóm, BT về nhà. |
| 43, 44, 45, 46, 47, 48,  | **Chương 8: Tổ chức thực hiện chiến lược****A/ Các nội dung ở trên lớp:**8.1 Bản chất và nội dung của quá trình thực hiện chiến lược 8.2 Thiết lập các kế hoạch tác nghiệp8.3 Điều chỉnh cơ cấu tổ chức8.4 Phân phối nguồn lực8.5 Xây dựng các chính sách kinh doanh8.6 Bản đồ chiến lược8.7 Hệ thống kiểm soát chiến lược | CLO3, CLO4, CLO5. | PLO1: 1.5 (I), 1.6 (I) CĐR CTĐT QTKD KS&DL; PLO2: 2.3 (R) CĐR CTĐT QTKD KS&DL; PLO3: 3.4 (R) CTĐT QTKD KS&DL. | Thuyết trình,Giải thích cụ thể,Câu hỏi gợi mở, Tình huống, Thảo luận | Kiểm tra viết, vấn đáp, thuyết trình nhóm |
| **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+ Chuẩn bị các nội dung của chương 8 được giao (tìm hiểu nội dung lý thuyết, câu hỏi ôn tập, xem xét các ví dụ thực tế)+ Chuẩn bị bài tập nhóm, bài tập cá nhân được giao | Học nhóm, BT về nhà.  |
| 49, 50, 51, 52, 53, 54 | **Chương 9: Đánh giá và điều chỉnh chiến lược****A/ Các nội dung ở trên lớp:**9.1 Đánh giá chiến lược9.2 Điều chỉnh chiến lượcÔn tập các nội dung môn học | CLO3, CLO4, CLO5. | PLO1: 1.5 (I), 1.6 (I) CĐR CTĐT QTKD KS&DL; PLO2: 2.3 (R) CĐR CTĐT QTKD KS&DL; PLO3: 3.4 (R) CTĐT QTKD KS&DL. | Thuyết trình,Giải thích cụ thể,Câu hỏi gợi mở, Tình huống, Thảo luận | Kiểm tra viết, vấn đáp, thuyết trình nhóm |
| **B/ Các nội dung tự học ở nhà:**+ Chuẩn bị các nội dung của chương 9 được giao (tìm hiểu nội dung lý thuyết, câu hỏi ôn tập, xem xét các ví dụ thực tế)+ Chuẩn bị bài tập nhóm, bài tập cá nhân được giao | Học nhóm, BT về nhà.  |

**13. Phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá**

***13.1. Các phương pháp đánh giá***

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong học phần QTCL được chia thành 3 loại chính là: đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ.

**\* Đánh giá thường xuyên:**

Mục đích của đánh giá thường xuyên là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá thường xuyên gồm: đánh giá chuyên cần, đánh giá bài tập nhóm, bài tập cá nhân và kiểm tra thường xuyên.

**\* Đánh giá giữa kỳ:**

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm giữa học kỳ. Phương pháp đánh giá giữa học kỳ là Kiểm tra viết.

**\* Đánh giá cuối kỳ:**

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm cuối học kỳ. Phương pháp đánh giá cuối kỳ sử dụng thi vấn đáp.

***13.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Trình độ năng lực** | **Đánh giá Thường xuyên (30%)** | **Đánh giá Giữa kỳ (20%)** | **Đánh giá Cuối kỳ (50%)** |
| CLO1 | **3** | x | x | x |
| CLO2 | **4** | x | x | x  |
| CLO3 | **3** | x |  | x |
| CLO4 | **4** | x |  | x |
| CLO5 | **3** | x |  |  |

**Tiêu chí đánh giá 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | **Trọng số** |
| --- | --- | --- |
| **MỨC 1** | **MỨC 2** | **MỨC 3** | **MỨC 4** | **MỨC 5** |
| **(0)** | **(5.5-6.9)** | **(7.0-8.4)** | **(8.5-8.9)** | **(9,0-10,0)** |
| **Số tiết**  | Đi học(<80%) | Đi học (<81-85%) | Đi học ít chuyên cần(86-90%) | Đi học chuyên cần(91-95%) | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần(96-100%) | **50%** |
| **Đóng góp tại lớp** | Không tham gia hoạt động nào tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp.Đóng góp không hiệu quả. |  Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp.Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học.Các đóng góp cho bài học là hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học.Các đóng góp rất hiệu quả. | **50%** |

**Tiêu chí đánh giá 2: Bài tập nhóm/Thảo luận nhóm**

| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | **Trọng số** |
| --- | --- | --- |
| **MỨC 1** | **MỨC 2** | **MỨC 3** | **MỨC 4** | **MỨC 5** |
| **(0)** | **(0.25-4.0)** | **(4.1-6.0)** | **(6.1-8.0)** | **(8.1-10,0)** |
| Làm việc nhóm | Không xác định nhiệm vụ và đánh giá không chính xác cho các thành viên. Không tổ chức làm việc nhóm.Không nộp bài tập nhóm  | Xác định nhiệm vụ không rõ ràng và đánh giá không chính xác cho các thành viên. Hiếm khi làm việc nhóm. Nộp bài tập nhóm muộn | Xác định nhiệm vụ khá rõ ràng đánh giá khá chính xác cho các thành viên. Thỉnh thoảng làm việc nhóm.Nộp bài tập nhóm đúng thời hạn | Xác định nhiệm vụ rõ ràng và đánh giá chính xác cho các thành viên. Thường xuyên làm việc nhóm. Nộp bài tập nhóm đúng thời hạn | Xác định nhiệm vụ rõ ràng và đánh giá chính xác cho các thành viên. Thường xuyên và tích cực làm việc nhóm. Nộp bài tập nhóm đúng thời hạn | **20%** |
| Trình bày bài tập | Không có bài tập | Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp | Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước) | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý | **20%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập. | Nội dung bài tập không đầy đủ và không thuyết trình được theo yêu cầu. Một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý và thuyết trình chưa tốt theo yêu cầu. Còn một số sai sót trong nội dung. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ và thuyết trình tốt theo yêu cầu. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ và thuyết trình rất tốt theo yêu cầu. Nội dung logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý. Có ý tưởng mới sáng tạo và phát triển hơn so với lý luận thông thường | **60%** |

**Tiêu chí đánh giá 3: Bài tập cá nhân**

| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | **Trọng** **số** |
| --- | --- | --- |
| **MỨC 1** | **MỨC 2** | **MỨC 3** | **MỨC 4** | **MỨC 5** |
| **(0)** | **(0.25-4.0)** | **(4.1-6.0)** | **(6.1-8.0)** | **(8.1-10.0)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập | Nộp bài tập đạt 70% khối lượng được giao. Tất cả các bài chưa đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đầy đủ (100% khối lượng được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đầy đủ (100% khối lượng được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định | Nộp bài tập đầy đủ (100% khối lượng được giao). Đúng thời gian quy định | **20%** |
| Trình bày bài tập | Không có bài tập | Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp | Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước) | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý | **20%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong nội dung | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý | **60%** |

**Tiêu chí đánh giá 4: Kiểm tra viết**

Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

**Tiêu chí đánh giá 5: Thi vấn đáp**

| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | **Trọng số** |
| --- | --- | --- |
| **MỨC F** | **MỨC D** | **MỨC C** | **MỨC B** | **MỨC A** |
| **(< 4.0)** | **Từ 4.0 đến dưới 5.5** | **Từ 5.5 đến dưới 7.0** | **Từ 7.0 đến dưới 8.5** | **(≥ 8.5)** |
| Kỹ năng trình bày | Lúng túng, không rõ ràng | Chưa rõ ràng | Rõ ràng, chưa tự tin | Rõ ràng, tự tin | Lưu loát, rõ ràng, tự tin | **10%** |
| Nội dung chính (theo đề thi đã được thiết kế sẵn) | Đáp ứng dưới 40% yêu cầu | Đáp ứng từ 40% - 50% yêu cầu | Đáp ứng từ 50% - 70% yêu cầu | Đáp ứng từ 70% - 80 % yêu cầu | Đáp ứng trên 80% yêu cầu | **90%** |

***13.3. Hệ thống tính điểm***

Điểm học phần được đánh giá theo thang điểm 10 sau đó quy đổi sang thang điểm chữ.

 Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ.

 Điểm đánh giá bộ phận gồm:

+ Điểm kiểm tra thường xuyên: 30%

+ Điểm thi giữa học phần: 20%

+ Điểm thi kết thúc học phần: 50%

***13.4 . Kế hoạch kiểm tra, đánh giá***

| **Hình thức kiểm tra/đánh giá** | **Nội dung** | **Thời điểm** | **CĐR học phần được đánh giá** | **Đáp ứng CĐR CTĐT và mức độ đáp ứng sau khi kết thúc chương** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Tỷ lệ %** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|
|
|
| Chuyên cần | Theo Tiêu chí đánh giá 1 | Tất cả các tiết học | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5. | CĐR CTĐT QTKD KS& DL: 3.4(R)  | Theo Tiêu chí đánh giá 1 | Theo Tiêu chí đánh giá 1 | 5 |
| Bài tập nhóm/Thảo luận nhóm | Theo Tiêu chí đánh giá 2 | Tất cả các tiết học | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5. | CĐR CTĐT QTKD KS& DL: 1.4 (R), 1.5(I), 1.6 (I), 2.3 (R), 3.4 (R) | Theo Tiêu chí đánh giá 2 | Theo Tiêu chí đánh giá 2 | 5 |
| Bài tập cá nhân  | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5. | CĐR CTĐT QTKDKS &DL: 1.4 (R), 1.5(I), 1.6 (I), 2.3 (R), 3.4 (R) | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | Theo Tiêu chí đánh giá 3 | 5 |
| Kiểm tra thường xuyên | Chương 1,2 | Tiết 10 | CLO1; CLO4. | CĐR CTĐT QTKD KS& DL: 1.4 (I); 2.3(R) | Viết | Đề kiểm tra | 5 |
| Chương 3,4,5 | Tiết 30 | CLO2; CLO4; | CĐR CTĐT QTKD KS & DL: 1.4 (R), 1.5(I), 1.6 (I), 2.3(R) | Viết | Đề kiểm tra | 5 |
| Chương 6,7,8,9 | Tiết 52 | CLO2; CLO3; CLO4. | CĐR CTĐT QTKD KS&DL: 1.4 (R), 1.5 (I), 1.6 (I), 2.3 (R).  | Viết | Đề kiểm tra | 5 |
| Kiểm tra giữa học phần | Chương 1,2,3,4,5 | Tiết 37, 38, 39 | CLO1; CLO2.  | CĐR CTĐT QTKD KS & DL: 1.4 (R), 1.5 (I), 1.6 (I). | Viết | Đề kiểm tra | 20 |
| Thi kết thúc học phần | Nội dung bao quát tất cả các CĐR quan trọng của môn học. | Theo KH của phòng ĐT | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4. | CĐR CTĐT QTKD KS &DL: 1.4 (R), 1.5 (I), 1.6 (I), 2.3 (R). | Vấn đáp | Đề thi | 50 |
| Thời gian chuẩn bị 30 phút. *(Không được sử dụng tài liệu).* |

***13.5. Bảng đối chiếu các CĐR học phần được đánh giá***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Hình thức kiểm tra, đánh giá** | **Phương pháp/Công cụ kiểm tra, đánh giá** |
| **Chuyên cần**  | **Bài tập nhóm/Thảo luận nhóm**  | **Bài tập cá nhân**  | **Bài kiểm tra TX**  | **Đánh giá Giữa kỳ**  | **Đánh giá Cuối kỳ**  | **Câu hỏi** | **Bài tập** | **Điểm số**  |
| CLO1 | x | x |  x | x | x | x | x |  x | x |
| CLO2 | x | x | x | x | x |  x | x | x | x |
| CLO3 | x | x | x | x |  | x | x | x | x |
| CLO4 | x | x | x | x |  | x | x | x | x |
| CLO5 | x  |  x | x |  |  |  |   | x | x |

**14. Các yêu cầu đối với sinh viên**

 - Các bài tập ở nhà và bài tiểu luận phải được thực hiện từ chính bản thân học viên. Nếu bị phát hiện có sao chép thì xử lý các sinh viên có liên quan bằng hình thức đánh giá **0** (không) điểm quá trình và cuối kỳ.

 - Các nội dung khác: thời gian tham gia trên lớp, ứng xử: theo quy chế đào tạo của nhà trường.

**15. Ngày phê duyệt lần đầu:**

**16. Cấp phê duyệt:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa****TS. Phạm Văn Hạnh** | **Trưởng Bộ môn****TS. Ngô Thị Hương Giang** | **Nhóm biên soạn****Ths. Hà Thị Thanh Hoa** |

**17. Tiến trình cập nhật ĐCCT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lần 1:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 1: ngày tháng năm | **<**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)Trưởng Bộ môn: |
| **Lần 2:** Tóm tắt nội dung cập nhật ĐCCT lần 2: ngày tháng năm | **<**người cập nhật ký và ghi rõ họ tên)Trưởng Bộ môn: |